

**CÔNG TY CỔ PHẦN
XI MĂNG PHÚ THỌ**

Số: 450/ CV-XMPT

V/v: Giải trình chênh lệch LNST

Quý II/2021 và 6 tháng đầu năm 2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thanh Ba, ngày 15 tháng 07 năm 2021

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà Nước.

- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Công ty CP xi măng Phú Thọ xin giải trình LNST lãi; có sự chênh lệch kỳ này và kỳ trước trong Báo cáo tài chính tổng hợp và Báo cáo Văn phòng Công ty quý II/2021 và 6 tháng đầu năm 2021 như sau:

I. Báo cáo tài chính tổng hợp:

1. Giải trình LNST lỗ và chênh lệch Quý II/2021 và Quý II/2020:

Chỉ tiêu	Quý II/2021	Quý II/2020	Chênh lệch	Tỷ lệ (%)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	68.769	62.825	5.945	9,46
Các khoản giảm trừ	16	148	(132)	(89,05)
Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	68.753	62.677	6.076	9,69
Giá vốn hàng bán	62.097	59.904	2.192	3,66
Lợi nhuận gộp về bán hàng CCDV	6.656	2.772	3.884	140,09
Doanh thu hoạt động tài chính	0,3	0,3	0,02	4,71
Chi phí tài chính	7.269	5.821	1.448	24,88
Chi phí bán hàng	610	1.312	(702)	(53,53)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.074	3.252	1.822	56,01
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(6.296)	(7.612)	1.316	(17,29)
Thu nhập khác	3,1	-	3	-
Chi phí khác	87	-	87	-
Lợi nhuận khác	(83)	-	(83)	-
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(6.380)	(7.612)	1.233	(16,19)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	(6.380)	(7.612)	1.233	(16,19)

Lợi nhuận sau thuế quý II/2021 của Công ty lỗ 6.380 triệu đồng giảm lỗ 1.233 triệu đồng so với quý II/2020 (lỗ 7.612 triệu đồng), do các nguyên nhân sau:

+ Doanh thu thuần từ bán hàng cung cấp dịch vụ quý II/2021 là: 68.769 triệu đồng tăng so với quý II/2020 (62.825 triệu đồng) là: 9,46% tương ứng với 5.945 triệu đồng. Sản lượng tiêu thụ của quý II/2021 là: 80.643,61 tấn xi măng các loại tăng so với quý II/2020 (69.850,57 tấn) tương đương tăng 15,45 %. Giá vốn hàng bán tăng từ 59.904 triệu đồng của quý II/2020 lên 62.097 triệu đồng quý II/2021(tăng 3,66 % tương ứng tăng 2.192 triệu đồng). Từ những yếu tố trên làm cho lợi nhuận gộp về bán hàng cung cấp dịch vụ của quý II/2021 tăng 3.884 triệu đồng.

+ Cuối năm 2020, Công ty đã đưa vào sử dụng hệ thống băng tải xi măng xuất thẳng đã tiết kiệm được một phần chi phí vận chuyển bốc xếp. Chi phí bán hàng của quý II/2021 là: 610 triệu đồng giảm 702 triệu đồng so với quý II/2020(1.312 triệu đồng). Chi phí quản lý doanh nghiệp của quý II/2021(5.074 triệu đồng) tăng 1.822 triệu đồng so với quý II/2020 (3.252 triệu đồng). Chi phí tài chính tăng 1.448 triệu đồng. Từ các yếu tố trên, làm cho lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh của quý II/2021 tăng so với quý II/2020 là: 1.316 triệu đồng.

+ Lợi nhuận khác giảm 83 triệu đồng làm cho tổng lợi nhuận kế toán trước thuế quý II/2021 tăng 1.233 triệu đồng so với quý II/2020.

2. Giải trình LNST lỗ và chênh lệch 6 tháng năm 2021 và 6 tháng năm 2020:

Chỉ tiêu	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020	Chênh lệch	Tỷ lệ (%)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	141.603	120.981	20.622	17,05
Các khoản giảm trừ	231	341	(110)	(32,30)
Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	141.372	120.640	20.732	17,19
Giá vốn hàng bán	122.120	118.510	3.610	3,05
Lợi nhuận gộp về bán hàng CCDV	19.252	2.130	17.123	804,04
Doanh thu hoạt động tài chính	0,5	0,8	(0,29)	(37,60)
Chi phí tài chính	14.051	12.029	2.022	16,81
Chi phí bán hàng	1.604	4.029	(2.425)	(60,19)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	9.797	7.199	2.598	36,08
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(6.199)	(21.127)	14.928	(70,66)
Thu nhập khác	3,3	27	(24)	(87,56)
Chi phí khác	87	-	87	-
Lợi nhuận khác	(83)	27	(110)	-
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(6.283)	(21.100)	14.818	(70,22)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	(6.283)	(21.100)	14.818	(70,22)

Lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2021 của Công ty lỗ 6.283 triệu đồng giảm lỗ 14.818 triệu đồng so với 6 tháng đầu năm 2020 (lỗ 21.100 triệu đồng), do các nguyên nhân sau:

+ Doanh thu thuần từ bán hàng cung cấp dịch vụ 6 tháng đầu năm 2021 là: 141.372 triệu đồng tăng so với 6 tháng đầu năm 2020 (120.640 triệu đồng) là: 17,19% tương ứng với 20.732 triệu đồng. Sản lượng tiêu thụ của 6 tháng đầu năm 2021 là: 164.116,27 tấn xi măng các loại tăng so với 6 tháng đầu năm 2020 (133.816,56 tấn) tương đương tăng 22,64 %. Giá vốn hàng bán tăng từ 118.510 triệu đồng của 6 tháng đầu năm 2020 lên 122.120 triệu đồng 6 tháng đầu năm 2021(tăng 3,05 % tương ứng tăng 3.610 triệu đồng). Từ những yếu tố trên làm cho lợi nhuận gộp về bán hàng cung cấp dịch vụ của 6 tháng đầu năm 2021 tăng 17.123 triệu đồng.

+ Cuối năm 2020, Công ty đã đưa vào sử dụng hệ thống băng tải xi măng xuất thẳng đã tiết kiệm được một phần chi phí vận chuyển bốc xếp. Chi phí bán hàng của 6 tháng đầu năm 2021 là: 1.604 triệu đồng giảm 2.425 triệu đồng so với 6 tháng đầu năm 2020(4.029 triệu đồng). Chi phí quản lý doanh nghiệp của 6 tháng đầu năm 2021 (9.797 triệu đồng) tăng 2.598 triệu đồng so với 6 tháng đầu năm 2020 (7.199 triệu đồng). Chi phí tài chính tăng 2.022 triệu đồng. Từ các yếu tố trên, làm cho lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh của 6 tháng đầu năm 2021 tăng so với 6 tháng đầu năm 2020 là: 14.928 triệu đồng.

+ Lợi nhuận khác giảm 110 triệu đồng làm cho tổng lợi nhuận kế toán trước thuế 6 tháng đầu năm 2021 tăng 14.818 triệu đồng so với 6 tháng đầu năm 2020.

II. Báo cáo tài chính văn phòng Công ty:

1. Giải trình LNST lỗ và chênh lệch Quý II/2021 và Quý II/2020:

Chỉ tiêu	Quý II/2021	Quý II/2020	Chênh lệch	Tỷ lệ (%)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	68.769	62.825	5.945	9,46
Các khoản giảm trừ	16	148	(132)	(89,05)
Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	68.753	62.677	6.076	9,69
Giá vốn hàng bán	62.097	59.904	2.192	3,66
Lợi nhuận gộp về bán hàng CCDV	6.656	2.772	3.884	140,09
Doanh thu hoạt động tài chính	0,3	0,3	0,02	4,71
Chi phí tài chính	7.269	5.821	1.448	24,88
Chi phí bán hàng	610	1.312	(702)	(53,53)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.074	3.252	1.822	56,01
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(6.296)	(7.612)	1.316	(17,29)
Thu nhập khác	3,1	-	3	-
Chi phí khác	87	-	87	-
Lợi nhuận khác	(83)	-	(83)	-
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(6.380)	(7.612)	1.233	(16,19)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	(6.380)	(7.612)	1.233	(16,19)

Lợi nhuận sau thuế quý II/2021 của Công ty lỗ 6.380 triệu đồng giảm lỗ 1.233 triệu đồng so với quý II/2020 (lỗ 7.612 triệu đồng), do các nguyên nhân sau:

+ Doanh thu thuần từ bán hàng cung cấp dịch vụ quý II/2021 là: 68.769 triệu đồng tăng so với quý II/2020 (62.825 triệu đồng) là: 9,46% tương ứng với 5.945 triệu đồng. Sản lượng tiêu thụ của quý II/2021 là: 80.643,61 tấn xi măng các loại tăng so với quý II/2020 (69.850,57 tấn) tương đương tăng 15,45%. Giá vốn hàng bán tăng từ 59.904 triệu đồng của quý II/2020 lên 62.097 triệu đồng quý II/2021 (tăng 3,66% tương ứng tăng 2.192 triệu đồng). Từ những yếu tố trên làm cho lợi nhuận gộp về bán hàng cung cấp dịch vụ của quý II/2021 tăng 3.884 triệu đồng.

+ Cuối năm 2020, Công ty đã đưa vào sử dụng hệ thống băng tải xi măng xuất thẳng đã tiết kiệm được một phần chi phí vận chuyển bốc xếp. Chi phí bán hàng của quý II/2021 là: 610 triệu đồng giảm 702 triệu đồng so với quý II/2020 (1.312 triệu đồng). Chi phí quản lý doanh nghiệp của quý II/2021 (5.074 triệu đồng) tăng 1.822 triệu đồng so với quý II/2020 (3.252 triệu đồng). Chi phí tài chính tăng 1.448 triệu đồng. Từ các yếu tố trên, làm cho lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh của quý II/2021 tăng so với quý II/2020 là: 1.316 triệu đồng.

+ Lợi nhuận khác giảm 83 triệu đồng làm cho tổng lợi nhuận kế toán trước thuế quý II/2021 tăng 1.233 triệu đồng so với quý II/2020.

2. Giải trình LNST lỗ và chênh lệch 6 tháng năm 2021 và 6 tháng năm 2020:

Chỉ tiêu	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020	Chênh lệch	Tỷ lệ (%)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	141.603	120.981	20.622	17,05
Các khoản giảm trừ	231	341	(110)	(32,30)
Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	141.372	120.640	20.732	17,19
Giá vốn hàng bán	122.120	118.510	3.610	3,05
Lợi nhuận gộp về bán hàng CCDV	19.252	2.130	17.123	804,04
Doanh thu hoạt động tài chính	0,5	0,8	(0,29)	(37,60)
Chi phí tài chính	14.051	12.029	2.022	16,81
Chi phí bán hàng	1.604	4.029	(2.425)	(60,19)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	9.797	7.199	2.598	36,08
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(6.199)	(21.127)	14.928	(70,66)
Thu nhập khác	3,3	27	(24)	(87,56)
Chi phí khác	87	-	87	-
Lợi nhuận khác	(83)	27	(110)	-
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(6.283)	(21.100)	14.818	(70,22)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	(6.283)	(21.100)	14.818	(70,22)

Lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2021 của Công ty lỗ 6.283 triệu đồng giảm lỗ 14.818 triệu đồng so với 6 tháng đầu năm 2020 (lỗ 21.100 triệu đồng), do các nguyên nhân sau:

+ Doanh thu thuần từ bán hàng cung cấp dịch vụ 6 tháng đầu năm 2021 là: 141.372 triệu đồng tăng so với 6 tháng đầu năm 2020 (120.640 triệu đồng) là: 17,19% tương ứng với 20.732 triệu đồng. Sản lượng tiêu thụ của 6 tháng đầu năm 2021 là: 164.116,27 tấn xi măng các loại tăng so với 6 tháng đầu năm 2020 (133.816,56 tấn) tương đương tăng 22,64 %. Giá vốn hàng bán tăng từ 118.510 triệu đồng của 6 tháng đầu năm 2020 lên 122.120 triệu đồng 6 tháng đầu năm 2021(tăng 3,05 % tương ứng tăng 3.610 triệu đồng). Từ những yếu tố trên làm cho lợi nhuận gộp về bán hàng cung cấp dịch vụ của 6 tháng đầu năm 2021 tăng 17.123 triệu đồng.

+ Cuối năm 2020, Công ty đã đưa vào sử dụng hệ thống băng tải xi măng xuất thẳng đã tiết kiệm được một phần chi phí vận chuyển bốc xếp. Chi phí bán hàng của

6 tháng đầu năm 2021 là: 1.604 triệu đồng giảm 2.425 triệu đồng so với 6 tháng đầu năm 2020(4.029 triệu đồng). Chi phí quản lý doanh nghiệp của 6 tháng đầu năm 2021 (9.797 triệu đồng) tăng 2.598 triệu đồng so với 6 tháng đầu năm 2020 (7.199 triệu đồng). Chi phí tài chính tăng 2.022 triệu đồng. Từ các yếu tố trên, làm cho lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh của 6 tháng đầu năm 2021 tăng so với 6 tháng đầu năm 2020 là: 14.928 triệu đồng.

+ Lợi nhuận khác giảm 110 triệu đồng làm cho tổng lợi nhuận kế toán trước thuế 6 tháng đầu năm 2021 tăng 14.818 triệu đồng so với 6 tháng đầu năm 2020.

Trên đây là giải trình của Công ty CP xi măng Phú Thọ, đề nghị Ủy ban chứng khoán nhà nước; Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội xem xét.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT (B/c);
- Ban Kiểm Soát(B/c);
- Lưu VP.


CÔNG TY CP XI MĂNG PHÚ THỌ
TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Tuấn Đạt